

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực Tổ chức cán bộ
và Giảm nghèo trong tỉnh Sóc Trăng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Sóc Trăng tại Tờ trình số 75/TTr-SLĐTBXH ngày 16/9/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực Tổ chức cán bộ và Giảm nghèo trong tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Công TTĐT tỉnh;
- Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Khởi



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ LĨNH VỰC TỔ CHỨC CÁN BỘ
VÀ GIẢM NGHÈO TRONG TỈNH SÓC TRĂNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2307 /QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

**PHẦN I.
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
1	Xếp hạng một số loại hình đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội	Tổ chức cán bộ	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	TTHC nội bộ nhóm B1
2	Xác định huyện nghèo giai đoạn 2021-2025	Giảm nghèo	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
3	Xác định huyện thoát nghèo giai đoạn 2021 - 2025	Giảm nghèo	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
4	Xác định xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025	Giảm nghèo	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
Tổng số: 04 thủ tục.				

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

01. Thủ tục “Xếp hạng một số loại hình đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội”

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Đơn vị sự nghiệp chuẩn bị hồ sơ đề nghị xếp hạng theo quy định, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Bước 2: Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp nhận hồ sơ; xem xét, thẩm định hồ sơ và quyết định xếp hạng đối với đơn vị sự nghiệp thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý.

+ Bước 3: Ủy ban nhân dân tỉnh gửi báo cáo về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

- Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

+ Công văn đề nghị xếp hạng của đơn vị;

+ Bảng phân tích, đánh giá, chấm điểm các tiêu chí theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 18/2006/TT-BLĐTBXH (phụ lục 1, phụ lục 2) và các văn bản, tài liệu, hồ sơ chứng minh số điểm đã đạt được (số liệu của 2 năm trước liền kề và kế hoạch thực hiện của năm đề nghị đã được cơ quan thẩm quyền phê duyệt).

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- Thời hạn giải quyết: Không quy định.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các đơn vị sự nghiệp, dịch vụ công lập thuộc ngành lao động, thương binh và xã hội thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp quản lý, gồm:

+ Các đơn vị điều dưỡng tại chỗ, điều dưỡng luân phiên đối với thương binh, bệnh binh và người có công với cách mạng (kể cả đơn vị có nuôi dưỡng đối tượng xã hội);

+ Các đơn vị bảo trợ xã hội (kể cả đơn vị có nuôi dưỡng đối tượng thương binh, bệnh binh);

+ Các đơn vị chính hình, phục hồi chức năng;

+ Các đơn vị kiểm định kỹ thuật an toàn.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định xếp hạng, quyết định xếp lại hạng đơn vị sự nghiệp công lập.

- Lệ phí: Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Bảng chấm điểm (Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 18/2006/TT-BLĐTBXH).

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định về phân loại, xếp hạng tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập;

+ Thông tư số 18/2006/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 11 năm 2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xếp hạng một số loại hình đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành lao động, thương binh và xã hội.

02. Thủ tục hành chính “Xác định huyện nghèo giai đoạn 2021 - 2025”

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp huyện lập 02 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 5 Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức rà soát, thẩm tra, lập hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 5 Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg, trình Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Trường hợp hồ sơ không bảo đảm theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- **Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ qua trực liên thông văn bản hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ**

+ Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị xác định huyện nghèo.

+ Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện về mức độ đạt các tiêu chí quy định tại Điều 3 Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg và các tài liệu, số liệu chứng minh.

*** Số lượng hồ sơ:** 02 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức rà soát, thẩm tra, lập hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 5 Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg, trình Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Trường hợp hồ sơ không bảo đảm theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp huyện, không bao gồm huyện đã được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Tờ trình kèm hồ sơ của UBND tỉnh trình Bộ Lao động – Thương binh và xã hội.

- **Phí, lệ phí:** Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Tờ trình về việc xác định huyện nghèo (Mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg).

+ Báo cáo đánh giá, xác định tiêu chí huyện nghèo (Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg).

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- + Tiêu chí xác định huyện nghèo
- . Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025.
- . Trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn huyện.
- . Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn huyện.
- . Huyện thuộc khu vực miền núi, vùng cao, biên giới hoặc huyện thuộc các khu vực còn lại.
- + Hệ thống tiêu chí, chỉ tiêu xác định huyện nghèo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- + Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.
- + Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025.

Mẫu số 01

XÃ/HUYỆN/TỈNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: .../TTTr-UBND

..., ngày ... tháng... năm ...

TỜ TRÌNH**Về việc.....¹**

Kính gửi:.....

Thực hiện quy định tại Quyết định số .../2021/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025, Ủy ban nhân dân ... kính trình xem xét việc xác định....²... như sau:

1. Sự cần thiết
2. Kết quả đánh giá
3. Đề xuất, kiến nghị

Hồ sơ kèm theo Tờ trình gồm:....

Kính đề nghị xem xét./.

Nơi nhận:

-

-

Lưu: VT.

CHỦ TỊCH UBND XÃ/HUYỆN/TỈNH

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÃ/HUYỆN/TỈNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: .../BC-UBND

..., ngày.... tháng... năm ...

BÁO CÁO**Đánh giá, xác định¹**

Thực hiện quy định tại Quyết định số ... /2021/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025, xin báo cáo Ủy ban nhân dân ... về việc đề nghị xác định ...²...

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm chung (điều kiện tự nhiên, xã hội)
2. Đánh giá khái quát tình hình phát triển kinh tế - xã hội
3. Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020; kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện nghèo/xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XÁC ĐỊNH HUYỆN NGHÈO/XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN VÙNG BÃI NGANG VEN BIỂN VÀ HẢI ĐẢO

1. Thời gian thẩm tra
2. Về hồ sơ
3. Về kết quả đánh giá, xác định tiêu chí huyện nghèo/xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo

Đánh giá từng tiêu chí theo 3 nội dung sau:

- Yêu cầu của tiêu chí.
- Nội dung, số liệu, và tài liệu về mức độ đạt tiêu chí.
- Đánh giá mức độ đạt tiêu chí.

III. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ xác định ...²....
2. Về kết quả đánh giá, xác định²...

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**Nơi nhận:**

-
-
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH UBND XÃ/HUYỆN/TỈNH*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú: ¹ Tiêu chí huyện nghèo; tiêu chí xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

² Các huyện nghèo; xác định các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

03. Thủ tục hành chính “Xác định huyện thoát nghèo giai đoạn 2021-2025”

- Trình tự thực hiện

Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp huyện lập 02 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 5 Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức rà soát, thẩm tra, lập hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 5 Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg, trình Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Trường hợp hồ sơ không bảo đảm theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ qua trực liên thông văn bản hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

- Thành phần, số lượng hồ sơ

*** Thành phần hồ sơ**

+ Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị xác định huyện thoát nghèo.

+ Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện về mức độ đạt các tiêu chí quy định tại Điều 3 Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg và các tài liệu, số liệu chứng minh.

*** Số lượng hồ sơ:** 02 bộ.

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức rà soát, thẩm tra, lập hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 5 Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg, trình Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Trường hợp hồ sơ không bảo đảm theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện, không bao gồm huyện đã được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Tờ trình kèm hồ sơ của UBND tỉnh trình Bộ Lao động – Thương binh và xã hội.

- Phí, lệ phí: Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Tờ trình về việc xác định huyện thoát nghèo (Mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg).

+ Báo cáo đánh giá, xác định tiêu chí huyện nghèo (Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg).

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

+ Có điểm dưới 50 điểm theo hệ thống chỉ tiêu của các tiêu chí xác định huyện nghèo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg.

+ Tiêu chí và tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo được xác định trên cơ sở kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025; các tiêu chí còn lại được xác định trên cơ sở số liệu tại thời điểm lập hồ sơ.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

+ Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025.

Mẫu số 01

XÃ/HUYỆN/TỈNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
..., ngày tháng... năm ...

Số: .../TTTr-UBND

TỜ TRÌNH
Về việc.....¹

Kính gửi:.....

Thực hiện quy định tại Quyết định số .../2021/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025, Ủy ban nhân dân ... kính trình..... xem xét việc xác định....²... như sau:

1. Sự cần thiết
2. Kết quả đánh giá
3. Đề xuất, kiến nghị

Hồ sơ kèm theo Tờ trình gồm:....

Kính đề nghị xem xét./.

Nơi nhận:

-

-

Lưu: VT.

CHỦ TỊCH UBND XÃ/HUYỆN/TỈNH
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÃ/HUYỆN/TỈNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: .../BC-UBND

..., ngày.... tháng... năm ...

BÁO CÁO**Đánh giá, xác định¹**

Thực hiện quy định tại Quyết định số ... /2021/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025, xin báo cáo Ủy ban nhân dân ... về việc đề nghị xác định ...²...

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm chung (điều kiện tự nhiên, xã hội)
2. Đánh giá khái quát tình hình phát triển kinh tế - xã hội
3. Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020; kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện nghèo/ xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XÁC ĐỊNH HUYỆN NGHÈO/XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN VÙNG BÃI NGANG VEN BIỂN VÀ HẢI ĐẢO

1. Thời gian thẩm tra
2. Về hồ sơ
3. Về kết quả đánh giá, xác định tiêu chí huyện nghèo/xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo

Đánh giá từng tiêu chí theo 3 nội dung sau:

- Yêu cầu của tiêu chí.
- Nội dung, số liệu, và tài liệu về mức độ đạt tiêu chí.
- Đánh giá mức độ đạt tiêu chí.

III. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ xác định...²....
2. Về kết quả đánh giá, xác định ...².

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**Nơi nhận:**

-
-
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH UBND XÃ/HUYỆN/TỈNH*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú: ¹ Tiêu chí huyện nghèo; tiêu chí xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

² Các huyện nghèo; xác định các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

04. Thủ tục hành chính “Xác định xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025”

- Trình tự thực hiện

Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp xã lập 03 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 5 Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Bước 2: Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, tổng hợp, lập 02 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 5 Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp hồ sơ không bảo đảm theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Bước 3: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát, thẩm tra, lập hồ sơ theo quy định tại điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều 5 Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg, trình Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Trường hợp hồ sơ không bảo đảm theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ qua trực liên thông văn bản hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

- Thành phần, số lượng hồ sơ

*** Hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã**

+ Thành phần hồ sơ

. Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị xác định xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

. Báo cáo đánh giá của Ủy ban nhân dân cấp xã về mức độ đạt các tiêu chí quy định tại Điều 4 Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg và các tài liệu, số liệu chứng minh.

- Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

*** Hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

+ Thành phần hồ sơ

. Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị xác định xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

. Báo cáo tổng hợp, đánh giá của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với từng xã theo tiêu chí quy định tại Điều 4 Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg và các tài liệu, số liệu chứng minh.

. Danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

. Quyết định phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của Ủy ban nhân dân cấp huyện, chi tiết theo từng xã.

. 02 bộ hồ sơ gốc của Ủy ban nhân dân cấp xã nêu trên.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

- Thời hạn giải quyết

+ Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, tổng hợp, lập 02 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 5 Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp hồ sơ không bảo đảm theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

+ Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát, thẩm tra, lập hồ sơ theo quy định tại điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều 5 Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg, trình Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Trường hợp hồ sơ không bảo đảm theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Ủy ban nhân dân cấp xã có đường ranh giới tiếp giáp bờ biển hoặc xã còn bãi, cù lao, đầm phá, bán đảo, hải đảo hoặc xã bị ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn liên tục từ 03 tháng trở lên trong năm trên địa bàn cả nước, không bao gồm các xã đã được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- **Cơ quan trực tiếp thực hiện:** Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Tờ trình kèm hồ sơ của UBND tỉnh trình Bộ Lao động – Thương binh và xã hội.

- **Lệ phí:** Không.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**

+ Tờ trình về việc xác định huyện nghèo (Mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg).

+ Báo cáo đánh giá, xác định tiêu chí huyện nghèo (Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg).

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

* Tiêu chí xác định xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo gồm 02 tiêu chí sau:

+ Xã có đường ranh giới tiếp giáp bờ biển hoặc xã còn bãi, cù lao, đầm phá, bán đảo, hải đảo có tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo từ 15% trở lên theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025; xã bị ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn liên tục từ 03 tháng trở lên trong năm và có tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo từ 12% trở lên theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025.

+ Thiếu (hoặc chưa đạt) từ 3/9 công trình cơ sở hạ tầng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, phục vụ dân sinh, cụ thể:

. Xã chưa đạt tiêu chí quốc gia về y tế theo quy định của Bộ Y tế.

. Cơ sở vật chất của trường mầm non hoặc tiểu học hoặc trung học cơ sở chưa đạt mức 2 chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

. Tỷ lệ phòng học kiên cố của nhà trẻ, lớp mẫu giáo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đạt dưới 75%.

. Chưa có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

. Tỷ lệ hộ gia đình tiếp cận được nguồn nước sạch trong sinh hoạt theo quy định của Bộ Y tế đạt dưới 85%.

. Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh theo quy định của Bộ Y tế đạt dưới 70%.

. Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải đạt dưới 85%.

. Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải đạt dưới 75%.

. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải đạt dưới 40% (riêng khu vực đồng bằng sông Cửu Long dưới 30%).

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

+ Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025.

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
..., ngày tháng... năm ...

XÃ/HUYỆN/TỈNH
Số: .../TTTr-UBND

TỜ TRÌNH
Về việc.....¹.....

Kính gửi:.....

Thực hiện quy định tại Quyết định số .../2021/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025, Ủy ban nhân dân ... kính trình..... xem xét việc xác định....²... như sau:

1. Sự cần thiết
2. Kết quả đánh giá
3. Đề xuất, kiến nghị

Hồ sơ kèm theo Tờ trình gồm:....

Kính đề nghị xem xét./

Nơi nhận:

-

-

Lưu: VT.

CHỦ TỊCH UBND XÃ/HUYỆN/TỈNH
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÃ/HUYỆN/TỈNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: .../BC-UBND

..., ngày.... tháng... năm ...

BÁO CÁO**Đánh giá, xác định¹**

Thực hiện quy định tại Quyết định số ... /2021/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025, xin báo cáo Ủy ban nhân dân ... về việc đề nghị xác định ...²...

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm chung (điều kiện tự nhiên, xã hội)
2. Đánh giá khái quát tình hình phát triển kinh tế - xã hội
3. Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020; kết quả thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện nghèo/ xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XÁC ĐỊNH HUYỆN NGHÈO/XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN VÙNG BÃI NGANG VEN BIỂN VÀ HẢI ĐẢO

1. Thời gian thẩm tra
2. Về hồ sơ
3. Về kết quả đánh giá, xác định tiêu chí huyện nghèo/xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo

Đánh giá từng tiêu chí theo 3 nội dung sau:

- Yêu cầu của tiêu chí.
- Nội dung, số liệu, và tài liệu về mức độ đạt tiêu chí.
- Đánh giá mức độ đạt tiêu chí.

III. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ xác định...²....
2. Về kết quả đánh giá, xác định².

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**Nơi nhận:**

-;

-;

Lưu: VT

CHỦ TỊCH UBND XÃ/HUYỆN/TỈNH*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú: ¹ Tiêu chí huyện nghèo; tiêu chí xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

² Các huyện nghèo; xác định các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo